

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2023/HC-ST
Ngày: 22-9-2023
V/v khiếu kiện quyết định hành
chính về thu hồi giấy chứng nhận
quyền sử dụng đất và giải quyết
khiếu nại

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Trúc Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Tuấn

2. Ông Phan Song Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Nguyệt Quỳnh Nhi - Thư ký Tòa án nhân dân
tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:
Bà Võ Thị Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét
xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 40/2022/TLST-HC ngày 19 tháng 12
năm 2022 về khiếu kiện quyết định hành chính về thu hồi giấy chứng nhận
quyền sử dụng đất và giải quyết khiếu nại theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử
số: 46/2023/QĐXXST-HC ngày 31 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Bùi Thị H, sinh năm 1952;

Địa chỉ: Ấp K, xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Minh T, sinh năm 1979; (Theo
Hợp đồng ủy quyền ngày 26/9/2022)

Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

2. Người bị kiện:

2.1. Ủy ban nhân dân thành phố S, tỉnh Đồng Tháp;

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố S, tỉnh Đồng Tháp;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn H – Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố S.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Thanh S – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố S. (Theo Văn bản ủy quyền ngày 04/03/2023)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân thành phố S: Ông Lê Thanh L – Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố S.

Cùng địa chỉ: Đường N, Phường A, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

2.3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Thiện N - Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ: Đường A, Phường A, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Ông Nguyễn Thanh S - Phó Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ: Quốc lộ A, ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Bùi Thị Ngọc T, sinh năm 1961;

Địa chỉ: Ấp K, xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

3.2. Anh Trần Phúc H, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Ấp K, xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Trần Phúc H là bà Bà Nguyễn Minh T, sinh năm 1979 (Giấy ủy quyền ngày 30/01/2023).

Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

(Bà Nguyễn Minh T, bà Bùi Thị Ngọc T và ông Nguyễn Thanh S có mặt tại phiên tòa, ông Phạm Thiện N, ông Bùi Thanh S và ông Lê Thanh L vắng mặt có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 18/04/2022, đơn khởi kiện ngày 10/10/2022 người khởi kiện bà Bùi Thị H trình bày:

Nguyên trước đây cha bà Bùi Văn T là chủ sở hữu các thửa đất 154, 150, 148 tờ bản đồ 04, có diện tích khoảng 2.776m², đến năm 1993 ông T cho cháu là Bùi Thị Ngọc T phân đất và chị T đi kê khai đo đạc năm 1993 và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là thửa 155, có diện tích 760m² tọa lạc tại ấp K, xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp, đến năm 1995 do hoàn cảnh gia đình mấy em của chị T không còn sống chung với chị T nên ông T đã hoán đổi diện tích khoảng 760m² tương đương với diện tích thửa đất 155 của chị T, phần đất thuộc thửa đất 150, sau đó chị T giao lại phần đất thửa 155 lại cho ông T

tiếp tục quản lý và canh tác, lúc đó anh bà là ông Bùi Quang A là cha chị T có đến xã khai báo nhưng nói sau này đo đạc lại sẽ kê khai sau, chị T giao trả lại thửa 155 cho cha bà canh tác, đến năm 2003 ông T cho bà 460m² vị trí ngay phần thửa 155 của chị T trước đây được ông T cho sau đổi lại với chị T, bà kê khai đo đạc và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là thửa 1776, tờ bản đồ 04 và đã quản lý canh tác cho đến nay. Sau khi chị Bùi Thị Ngọc T nhận và kê khai phần đất đổi với ông T, nhưng không thực hiện việc kê khai quyền sử dụng đất lại nên hiện nay chị T vẫn còn giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 155, tờ bản đồ 04, diện tích 760m² và còn 300m² thì ông T đã kê khai đo đạc lại thuộc thửa 154 trước đây, sau khi ông T qua đời thì thửa đất này do ông Bùi Quang A thừa kế. Do vậy từ năm 1993, chị T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đến nay và cho rằng thửa đất 155, diện tích 760m² còn là sở hữu của mình nên đã gửi đơn đến Ủy ban nhân dân thành phố S yêu cầu thu hồi phần đất thửa 155, sau đó Ủy ban nhân dân thành phố S ra quyết định thu hồi với lý do là năm 2004 bà đăng ký quyền sử dụng đất và được Ủy ban nhân dân thị xã S cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 17/5/2004, diện tích 2.837m², thuộc thửa 582, tờ bản đồ số 20 khi cấp giấy chứng nhận đã cấp trùng luôn phần đất 760m² của bà T.

Đến năm 2004, bà đã kê khai và xin hợp hết các thửa đất 701 diện tích 2.241m², thửa 157 diện tích 765m², thửa 156, diện tích 1.471m², thửa 1776 diện tích 460m² và thửa 01 thửa 528 tờ bản đồ số 20, có diện tích 2.837m², tọa lạc tại xã T, thành Phố S, tỉnh Đồng Tháp. Nguồn gốc đất hợp thửa chỉ có thửa 1776 diện tích 460m² là phần đất ông T cho trước đây tức là một phần diện tích của thửa 155, còn lại 300m² là thuộc thửa 154 cũ trước khi ông T cho chị T và sau đó đổi lại vào năm 1995 có giấy thỏa thuận đổi các bên có ký tên. Nay bà yêu cầu Tòa án yêu cầu hủy 03 Quyết định sau: Quyết định số 433/QĐ-UBND-HC ngày 29/8/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố S về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Bùi Thị H, Quyết định giải quyết khiếu nại số 176/QĐ-UBND-NĐ ngày 14/3/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố S, Quyết định số 90/QĐ-UBND-NĐ ngày 04/5/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc giải quyết khiếu nại của bà Bùi Thị H.

Tại Văn bản ý kiến số 02/UBND-NC ngày 06/01/2023 của người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố S và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố S trình bày:

Nguồn gốc đất thửa 582, tờ bản đồ số 20 do cha là Bùi Văn T cho và theo giấy chứng nhận số 0275/QSĐĐ/T2K (516/QĐ-UB) ngày 09/10/1993 và giấy chứng nhận số 3492/QSĐĐ/T2K (449/QĐ-UB-NĐ 2013/2003) ngày

20/3/2003. Ngày 04/4/2003, hộ bà Bùi Thị H có đơn xin cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân xã T xác nhận đủ điều kiện cấp giấy ngày 13/02/2004. Ngày 17/5/2004, Ủy ban nhân dân thị xã S (nay là thành phố S) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà Bùi Thị H số 00847/QSDĐ/ 1201/QĐ.UB.NĐ, thửa 582, tờ bản đồ số 20, diện tích là 2.387m² (trong đó: có 756m² đất thổ và 2.081m² đất vườn) tọa lạc xã T, thành phố S. Ngày 09/10/1993, Ủy ban nhân dân thị xã S cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Bùi Thị Ngọc T thửa 155, tờ bản đồ số 4, diện tích 760m², tọa lạc xã T, thành phố S. Ngày 09/5/2018, Ủy ban nhân dân thành phố S ban hành Thông báo số 27/TB.VPUBND về việc thông báo ý kiến kết luận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố tại cuộc họp giải quyết đơn thư khiếu nại công dân. Theo đó, thống nhất thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Bùi Thị H thuộc thửa đất số 155, diện tích 760m². Ngày 29/8/2018, Ủy ban nhân dân thành phố S ban hành Quyết định số 433/QĐ-UBND-HC về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ bà Bùi Thị H. Lý do: Trong quá trình cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà H có trùng với phần đất của bà Bùi Thị Ngọc T đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 27/12/2018, Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Thông báo số 712/TB- UBND về việc thụ lý giải quyết đơn khiếu nại của bà Bùi Thị H, ngụ ấp K, xã T, thành phố S. Ngày 27/12/2018, Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định số 98/QĐ-UBND-TL về việc xác minh nội dung khiếu nại của bà Bùi Thị H, ngụ số ấp K, xã T, thành phố S.

Ngày 14/3/2019, Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định số 176/QĐ-UBND-NĐ về việc giải quyết khiếu nại của bà Bùi Thị H, ngụ ấp K, xã T, thành phố S, với nội dung: giữ nguyên quyết định số 433/QĐ-UBND-HC ngày 29/8/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố S, không chấp thuận yêu cầu của bà Bùi Thị H. Việc Ủy ban nhân dân thành phố S ban hành Quyết định số 433/QĐ-UBND- HC ngày 29/8/2018 và Quyết định số 176/QĐ-UBND-NĐ ngày 14/3/2019 là đúng theo quy định pháp luật.

Tại Văn bản ý kiến số 08/UBND-NC ngày 13/01/2023 của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp trình bày:

Nguồn gốc đất của ông Bùi Văn T là cha của bà Bùi Thị H. Năm 1975, ông Bùi Văn T cho cháu nội là bà Bùi Thị Ngọc T diện tích 760m². Ngày 09/10/1993, bà Bùi Thị Ngọc T được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng 760m², loại đất Q, thửa số 155, tờ bản đồ số 4, xã T, thị xã S (nay là thành phố S). Đối với bà Bùi Thị H, được cha là ông Bùi Văn T cho phần đất tiếp giáp với đất của bà Bùi Thị Ngọc T. Năm 2004, bà Bùi

Thị H đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được Ủy ban nhân dân thị xã S (nay là thành phố S) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 00847 QSDĐ/1201/QĐ.UB.NĐ ngày 17 tháng 5 năm 2004, diện tích 2.873m², thửa số 582, tờ bản đồ số 20, trong đó, có diện tích 760m² đất đã cấp cho bà Bùi Thị Ngọc T. Bà Bùi Thị Ngọc T khiếu nại yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố S hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Bùi Thị H. Ngày 29/8/2018, Ủy ban nhân dân thành phố S ban hành Quyết định số 433/QĐ-UBND-HC thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ bà Bùi Thị H. Lý do: Cấp trùng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Bùi Thị Ngọc T. Bà Bùi Thị H không đồng ý và làm đơn khiếu nại. Ngày 14/3/2019, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố S ban hành Quyết định số 176/QĐ-UBND-NĐ, giải quyết: bác nội dung khiếu nại của bà Bùi Thị H. Bà Bùi Thị H không thống nhất với Quyết định giải quyết của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố S và tiếp tục khiếu nại. Ngày 04/5/2022, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp ban hành Quyết định số 90/QĐ-UBND-NĐ, giải quyết: Công nhận và giữ nguyên Quyết định số 176/QĐ-UBND-NĐ ngày 14/3/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố S về việc giải quyết khiếu nại của bà Bùi Thị H. Yêu cầu người khiếu nại, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện Quyết định số 176/QĐ-UBND-NĐ ngày 14/3/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố S. Nay, bà Bùi Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân Tỉnh hủy Quyết định số 90/QĐ-UBND-NĐ ngày 04/5/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh là không có cơ sở; Căn cứ Điều 106 Luật Đất đai 2013 quy định chính, thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp; Điều 87 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh đề nghị Tòa án nhân dân Tỉnh giữ nguyên Quyết định số 90/QĐ-UBND-NĐ ngày 04/5/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh.

Tại Tờ ý kiến ngày 22/02/2023 của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị Ngọc T trình bày:

Tháng 09/2018, bà có nhận được Quyết định số 433/QĐ-UBND-HC ngày 29/08/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố S về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ bà Bùi Thị H, ngụ số ấp A, xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp với nội dung “*Thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 00847 QSDĐ/1201/QĐ.UB.NĐ do UBND thị xã S (nay là thành phố S) cấp ngày 17/5/2004 cho hộ bà Bùi Thị H ngụ ấp K, xã T, thành phố S. Lý do:*

trong quá trình cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà H có trùng với phần đất bà Bùi Thị Ngọc T đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”. Sau đó bà H có khiếu nại yêu cầu hủy bỏ Quyết định trên và được Ủy ban nhân dân thành phố S giải quyết và đưa ra kết luận: “*Khiếu nại của bà Bùi Thị H không có cơ sở pháp luật để giải quyết theo yêu cầu của bà*” nội dung này được thể hiện tại Quyết định số 176/QĐ-UBND-ND của Ủy ban nhân dân thành phố S ngày 14/3/2019. Ngày 01/4/2019, bà Bùi Thị H có gửi đơn khiếu nại lần 02 đến Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp. Đến ngày 04/5/2019, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp ra Quyết định số 90/QĐ-UBND-ND về việc giải quyết khiếu nại của bà Bùi Thị H (lần 2) với quyết định Công nhận và giữ nguyên Quyết định số 176/QĐ-UBND-ND ngày 14/3/2019 của Chủ tịch UBND thành phố Sa Đéc về việc giải quyết khiếu nại của bà Bùi Thị H. Nay bà yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp giải quyết: Giữ nguyên và thực hiện theo nội dung tại Quyết định số 433/QĐ-UBND-HC ngày 29/08/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố S cùng Quyết định số 176/QĐ-UBND-ND của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố S ngày 14/3/2019 và Quyết định số 90/QĐ-UBND-ND của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Tại Văn bản nêu ý kiến ngày 01/02/2023 của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Phúc H trình bày:

Nguyên trước đây ông ngoại anh Bùi Văn T là chủ sở hữu các thửa đất 154, 150, 148 tờ bản đồ 04, có diện tích khoảng 2.776m², đến năm 1993 ông ngoại có cho chị là Bùi Thị Ngọc T phần đất và chị T đi kê khai đo đạc năm 1993 và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là thửa 155, có diện tích 760m² tọa lạc tại ấp K, xã T, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp, đến năm 1995 do hoàn cảnh gia đình mấy em của chị T không còn sống chung với chị T nên ông ngoại T đã hoán đổi cho chị T diện tích khoảng 760m² tương đương với diện tích thửa đất 155 của chị T, phần đất thuộc thửa đất 150, sau đó chị T giao lại phần đất thửa 155 lại cho ông T tiếp tục quản lý và canh tác, lúc đó ông Bùi Quang A là cha chị T có đến xã khai báo, nhưng nói sau này đo đạc lại sẽ kê khai sau, chị T giao trả lại thửa 155 cho ông T canh tác, đến năm 2003 ông T cho anh 460m² vị trí ngay phần thửa 155 của chị T. Lúc đó anh còn nhỏ, mẹ là bà H đi kê khai đo đạc và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là thửa 1776, tờ bản đồ 04 được tách từ thửa 154 do ông T là chủ sở hữu và bà H đã quản lý canh tác cho đến nay. Nhưng sau khi chị Bùi Thị Ngọc T nhận và kê khai phần đất đổi với ông T, nhưng không thực hiện việc kê khai quyền sử dụng đất lại nên hiện nay chị T vẫn còn giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 155, tờ bản đồ 04, diện tích 760m². Năm 1993, chị T được cấp giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất cho đến nay và cho rằng thửa đất 155, diện tích 760m² còn là sở hữu của mình vì chị T còn đứng tên, nên đã gửi đơn đến Ủy ban nhân dân thành Phố S yêu cầu thu hồi phần đất thửa 155, sau đó Ủy ban nhân dân thành phố S ra quyết định thu hồi với lý do là năm 2004 bà H đăng ký kê khai quyền sử dụng đất, và được Ủy ban nhân dân thị xã S cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hợp 03 thửa: thửa 157 diện tích 765m², thửa 156, diện tích 1.471 m², thửa 1776 diện tích 460m² và thành 01 thửa 528 tờ bản đồ số 20, có diện tích 2.837m². Anh thống nhất với các yêu cầu của bà Bùi Thị H.

Đại diện Viện kiểm sát Tỉnh phát biểu ý kiến về việc chấp hành theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Luật tổ tụng hành chính từ khi thụ lý đến khi xét xử, đảm bảo cho các đương sự được thực hiện quyền và nghĩa vụ của họ theo quy định của Luật tổ tụng hành chính và đề xuất đường lối xử lý vụ án là chấp nhận một phần yêu cầu của bà Bùi Thị H, hủy Quyết định số 90/QĐ-UBND-NĐ ngày 04/5/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp giải quyết khiếu nại lần hai. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu của bà Bùi Thị H đối với việc hủy Quyết định số 433/QĐ-UBND.HC về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 00847QSD/1201/QĐ.UB.NĐ do Ủy ban nhân dân thị xã S (nay là thành phố S) cấp ngày 17/5/2004 cho hộ bà Bùi Thị H, Quyết định số 176/QĐ-UBND.NĐ 14/3/2019 Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố S về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của bà Bùi Thị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; trên cơ sở ý kiến trình bày của các đương sự, ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[2] Về tố tụng:

[2.1] Ngày 29/8/2018, Ủy ban nhân dân thành phố S ban hành Quyết định số 433/QĐ-UBND.HC về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 00847QSD/1201/QĐ.UB.NĐ do Ủy ban nhân dân thị xã S (nay là thành phố S) cấp ngày 17/5/2004 cho hộ bà Bùi Thị H, ngụ ấp K, xã T, thành phố S. Bà H không đồng ý nên khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố S. Ngày 14/3/2019, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố S ban hành Quyết định số 176/QĐ-UBND.NĐ về việc giải quyết khiếu nại của bà Bùi Thị H. Bà H không đồng ý với Quyết định giải quyết khiếu nại nên tiếp tục khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp. Ngày 04/5/2022, Chủ tịch Ủy ban nhân dân

tỉnh Đồng Tháp ban hành Quyết định số 90/QĐ-UBND-NĐ giải quyết khiếu nại lần hai.

Không đồng ý với các Quyết định hành chính trên nên ngày 09/5/2022, bà H nộp đơn khởi kiện đến Tòa án. Xét khiếu kiện của bà Bùi Thị H là loại khiếu kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và đơn khởi kiện của bà còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 30 và 32, điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tổ tụng hành chính nên được chấp nhận.

[2.2] Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố S và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố S là ông Bùi Thanh S, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân thành phố S là ông Lê Thanh Lộc, người đại diện theo pháp luật của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp là ông Phạm Thiện N có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158 Luật tổ tụng hành chính.

[3] Về nội dung:

Xét Quyết định số 433/QĐ-UBND.HC ngày 29/8/2018 Ủy ban nhân dân (gọi tắt là UBND) thành phố S, Quyết định số 176/QĐ-UBND-NĐ ngày 14/3/2019 của Chủ tịch UBND thành phố S, Quyết định số 90/QĐ-UBND-NĐ ngày 04/5/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Tháp (gọi tắt là Quyết định số 433, Quyết định số 176, Quyết định số 90):

[3.1] Về nội dung ban hành:

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bà Bùi Thị H và anh Trần Phúc H là bà Nguyễn Minh T yêu cầu hủy Quyết định số 90 và xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với việc hủy Quyết định số 433 và Quyết định số 179.

Xét, theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện:

Thửa đất số 155, tờ bản đồ số 4, diện tích 760m² mục đích sử dụng: Q được cấp ngày 09/10/1993 tên Bùi Thị Ngọc T.

Ngày 09/10/1993, ông Bùi Văn T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (gọi tắt là CN QSDĐ) số vào sổ 0711/QSD/T2K 516/QĐ-UB diện tích 10.608m² trong đó có thửa 154 là 2.766m² đất LNK. Ngày 31/01/2003, ông T lập Hợp đồng chuyển nhượng cho con là Bùi Thị H một phần thửa 154, diện tích 460m² tách ra thành thửa 1176 và bà H được cấp giấy CN QSDĐ số vào sổ 3492/QSD/T2K/ 449/QĐ.UB.NĐ (20/3/2003) ngày 20/3/2003. Ngoài ra, bà H còn được cấp giấy CN QSDĐ khác, số vào sổ 0275/QSD/T2K/ 516/QĐ.UB ngày 09/10/1993 với diện tích là 4.477m². Ngày 04/4/2003, bà H làm Đơn xin cấp đổi giấy CN QSDĐ hợp nhất 02 giấy CN QSDĐ trên thành thửa 582, tờ

bản đồ số 20 và ngày 17/5/2004 được cấp giấy CN QSDĐ số vào sổ 00847/QSD/1201/QĐ.UB.NĐ diện tích là 2.837m² trong đó 756m² đất thổ và 2.081m² vườn.

Năm 2014, Bà Ngọc T khởi kiện tranh chấp đất với bà H được hòa giải tại UBND xã T và Tòa án nhân dân thành phố S đã được thụ lý ngày 13/10/2014. Đến ngày 03/9/2015, bà Ngọc T rút đơn khởi kiện nên Tòa án nhân dân thành phố S ban hành Quyết định số 90/2015/QĐST-DS đình chỉ giải quyết vụ án dân sự.

Bà T khiếu nại đến UBND thành phố S về việc cấp giấy CN QSDĐ đất cho bà H nên UBND thành phố S ban hành Quyết định số 433 thu giấy CN QSDĐ và Chủ tịch UBND hai cấp ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại.

Người bị kiện cho rằng việc cấp đổi giấy CN QSDĐ cho bà H năm 2004 có trùng lên phần đất của bà T cho nên thu hồi giấy CN QSDĐ của bà H, trong khi ngày 13/01/2012 bà T có tờ xác nhận về việc cho đất của ông T, việc đổi đất giữa bà H và bà T ở các thửa đất 148, 150, 155. Ngoài ra, việc tranh chấp quyền sử dụng đất giữa bà T và bà H đã xảy ra từ năm 2014, được UBND xã T, thành phố S hòa giải ngày 17/4/2014 nhưng không thành, bà H cho rằng mình là người sử dụng đất từ năm 2003. Như vậy việc tranh chấp thửa đất số 155 đã được cấp giấy CN QSDĐ, đã được hòa giải cơ sở và chưa được Tòa án có thẩm quyền giải quyết tranh chấp về việc xác định quyền sử dụng đất thuộc về ai, cho nên việc UBND thành phố S ban hành Quyết định 433 thu hồi giấy CN QSD của bà H là chưa phù hợp, từ đó dẫn đến các Quyết định giải quyết khiếu nại số 179, 90 ban hành là không đúng với quy định của khoản 1 Điều 203 của Luật đất đai 2013 và khoản 9 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại khoản 1 Điều 203 của Luật đất đai 2013 có quy định: *“Tranh chấp đất đai đã được hòa giải tại Ủy ban nhân dân cấp xã mà không thành thì được giải quyết như sau:*

1. Tranh chấp đất đai mà đương sự có giấy chứng nhận hoặc có một trong các loại giấy tờ quy định tại Điều 100 của Luật này và tranh chấp về tài sản gắn liền với đất thì do Tòa án nhân dân giải quyết

2. Tranh chấp đất đai mà đương sự không có Giấy chứng nhận hoặc không có một trong các loại giấy tờ quy định tại Điều 100 của Luật này thì đương sự chỉ được lựa chọn một trong hai hình thức giải quyết tranh chấp đất đai theo quy định sau đây:

a) Nộp đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp tại Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều này;

b) Khởi kiện tại Tòa án nhân dân có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự”

Khoản 9 Điều 26 của Bộ luật Tố Tụng dân sự quy định những tranh chấp về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án: *“Tranh chấp đất theo quy định của pháp luật về đất đai; ...”*

[3.2] Ngoài ra năm 2022, bà Ngọc T tiếp tục gửi đơn tranh chấp đất tại Tòa án nhân dân thành phố S nhưng bị trả lại đơn khởi kiện do Tòa án nhận định vụ việc đã được giải quyết bằng các Quyết định hành chính số 433, 176, 90 của Ủy ban nhân dân các cấp. Thực chất đây là vụ án tranh chấp dân sự về quyền sử dụng đất mà cả bà Bùi Thị H và bà Bùi Thị Ngọc T đều được cấp giấy CN QSDĐ.

Ngày 27/4/2023, UBND thành phố S ban hành Quyết định 29/QĐ-UBND-NĐ hủy Quyết định 433 và ngày 21/6/2023, Chủ tịch UBND thành phố S ban hành Quyết định số 41/QĐ-UBND-NĐ thu hồi hủy bỏ Quyết định số 176. Tại phiên tòa, bà Nguyễn Minh T rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với việc hủy Quyết định số 433 và Quyết định số 179. Xét việc rút yêu cầu trên là tự nguyện nên áp dụng khoản 2 Điều 173 Luật Tố tụng hành chính, đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu của bà Bùi Thị H là phù hợp.

Đối với Quyết định số 90 về việc giải quyết khiếu nại lần hai của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Tháp: Do Quyết định số 179 giải quyết khiếu nại lần đầu đã bị hủy nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện, hủy Quyết định số 90 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Tháp.

[4] Từ những phân tích nêu trên, xét khởi kiện của bà Bùi Thị H yêu cầu hủy Quyết định số 90/QĐ-UBND-NĐ ngày 04/5/2022 về việc giải quyết khiếu nại lần hai của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Tháp là có căn cứ chấp nhận.

[5] Tại phiên tòa, xét ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Tháp phải chịu tiền án phí hành chính sơ thẩm theo quy định khoản 1 Điều 348 Luật tố tụng hành chính và khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Bà Bùi Thị H không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào quy định tại Điều 30, Điều 32, điểm a, khoản 1 Điều 116, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, khoản 2 Điều 173, Điều 193, khoản 1 Điều 348 của Luật tố tụng hành chính 2015;

*Căn cứ vào quy định tại khoản 9 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 203 của Luật đất đai 2013;
Căn cứ khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày
30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.*

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị H.
- Hủy Quyết định số 90/QĐ-UBND-NĐ ngày 04/5/2022 về việc giải quyết khiếu nại lần hai của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp.
- Đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị H đối với việc hủy Quyết định số 433/QĐ-UBND.HC ngày 29/8/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố S và Quyết định số 176/QĐ-UBND-NĐ ngày 14/3/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố S.
- Về án phí: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

Bà Bùi Thị H không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Người khởi kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị kiện được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP.HCM;
- VKSND Tỉnh;
- Cục THADS Tỉnh;
- Phòng KTNV-THA Tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, THC.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Thị Trúc Phương